BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/2014/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

Điều 1. Đối tượng chịu phí, lệ phí và mức thu

1. Đối tượng chịu phí, lệ phí là các công việc liên quan đến cấp phép hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và hoạt động quản lý, giám sát trong lĩnh vực chứng khoán.

2. Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện theo Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

Người nộp phí, lệ phí là các tổ chức, cá nhân có các hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán được quy định trong Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo

Thông tư này. Riêng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ, người nộp lệ phí là ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.

Điều 3. Tổ chức thu, nộp phí, lệ phí

1. Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu bằng đồng Việt Nam. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của cơ quan thu phí, lệ phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Thu, nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân phải nộp toàn bộ số lệ phí khi được cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Quyết định, Thông báo, Chứng chỉ hành nghề hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

3. Thu, nộp phí giám sát

Phí giám sát trích nộp từ khoản phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán là khoản doanh thu phí còn lại sau khi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã chuyển trả 50% số doanh thu phí cho các Sở giao dịch chứng khoán.

Phí giám sát được tính trên giá trị giao dịch công bố trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán và tính trên cả giá trị giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển sang cho các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính về phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Các Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nộp phí giám sát cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng quý, thời gian nộp từ ngày 1 đến ngày 30 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.

4. Thu, nộp phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết/đăng ký giao dịch

a) Tổ chức được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng phải nộp phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết/đăng ký giao dịch. Số phí phải nộp tính theo công thức sau:

Số phí phải nộp = 10 triệu đồng/12 tháng x Thời gian tính phí (tháng).

Thời gian tính phí: được tính từ tháng sau của tháng được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng đến hết tháng được Sở Giao dịch chứng khoán ra Quyết định chấp thuận niêm yết/đăng ký giao dịch chính thức hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng.

b) Thời gian nộp phí từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 hàng năm.

Ví dụ 1, Công ty A được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/6/2014. Đến tháng 12/2014 (từ ngày 01 đến ngày 31/12), công ty A phải nộp phí

như sau: = 10 triệu đồng/12 tháng x 6 tháng (từ tháng 7 đến hết tháng 12) = 5 triệu đồng. Kể từ năm sau trở đi, công ty A phải nộp phí quản lý vào tháng 12 hàng năm với số phí 10 triệu đồng/năm.

Trường hợp công ty đại chúng được Sở Giao dịch chứng khoán ra Quyết định chấp thuận niêm yết/đăng ký giao dịch chính thức hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng khác với thời gian nộp phí (tháng 12 hàng năm) nêu trên, thì công ty phải nộp phí cho thời gian chưa nộp phí theo quy định. Thời hạn nộp phí trong 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định hoặc Thông báo.

Ví dụ 2, công ty B được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/4/2014. Đến ngày 20/10/2014, công ty B được chấp thuận niêm yết chính thức (hoặc hủy đăng ký công ty đại chúng), số phí phải nộp là: 10/12 x 6 tháng = 5 triệu đồng.

Ví dụ 3, công ty C được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng kể từ ngày 15/3/2014. Đến ngày 15/3/2015, công ty C được chấp thuận niêm yết chính thức (hoặc hủy đăng ký công ty đại chúng). Công ty phải nộp phí như sau:

Năm 2014: 10/12 x 9 tháng = 7,5 triệu đồng (nộp trong tháng 12/1014)

Năm 2015: 10/12 x 3 tháng = 2,5 triệu đồng. Thời gian nộp kể từ ngày 15/3 đến ngày 15/4/2015. Trường hợp năm 2014 chưa nộp thì công ty C phải nộp số tiền là 10 triệu đồng.

5. Thu, nộp phí quản lý thường niên đối với quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ mở, quỹ ETF, tổ chức quản lý quỹ phải nộp phí quản lý thường niên như sau:

- Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm, mức phí phải nộp là 10 triệu đồng/quỹ;

- Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận từ ngày 01/7 đến ngày 31/12 hàng năm, mức phí phải nộp là 5 triệu đồng/quỹ;

Các năm tiếp theo, tổ chức quản lý quỹ phải nộp phí là 10 triệu đồng/quỹ, thời gian nộp từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 hàng năm.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí

1. Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí được để lại toàn bộ (100%) tiền phí thu được, để sử dụng theo quy định tại Quyết định số 29/2009/QĐ-TTg ngày 20/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Cơ quan thu phí, lệ phí nộp toàn bộ (100%) tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Các khoản phí, lệ phí thu theo quy định tại Thông tư này phải được phản ánh đầy đủ vào dự toán và quyết toán tài chính hàng năm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2014.

2. Bãi bỏ Thông tư số 134/2009/TT-BTC ngày 01/7/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Các quy định khác về thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG TẠI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2014/TT-BTC ngày 21/5/2014 của Bộ Tài chính)

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
1	Lệ phí cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán	
a	Môi giới	20 triệu đồng/giấy phép
b	Tự doanh	60 triệu đồng/giấy phép
c	Bảo lãnh phát hành	100 triệu đồng/giấy phép
d	Tư vấn đầu tư chứng khoán	20 triệu đồng/giấy phép
2	Lệ phí cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán	30 triệu đồng/giấy phép
3	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ mở, quỹ ETF, quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ đại chúng	30 triệu đồng/giấy chứng nhận
4	Lệ phí cấp Thông báo xác nhận thành lập quỹ thành viên	20 triệu đồng/thông báo
5	Lệ phí cấp Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước	10 triệu đồng/quyết định
6	Lệ phí cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	20 triệu đồng/giấy phép
7	Lệ phí cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước	01 triệu đồng/lần cấp
8	Lệ phí cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	01 triệu đồng/lần cấp
9	Lệ phí cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán	01 triệu đồng/lần cấp

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
10	Lệ phí gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; bao gồm cả trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập sau khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi	02 triệu đồng/lần cấp
11	Lệ phí gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký/Thông báo xác nhận thành lập quỹ	02 triệu đồng/lần cấp
12	Lệ phí gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước	01 triệu đồng/lần cấp
13	Lệ phí gia hạn, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	02 triệu đồng/lần cấp
14	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ	10 triệu đồng/giấy chứng nhận
15	Lệ phí cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề chứng khoán tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	01 triệu đồng/lần cấp
16	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán	06 triệu đồng/giấy chứng nhận
17	Lệ phí cấp Thông báo xác nhận việc tăng, giảm vốn của quỹ thành viên	01 triệu đồng/thông báo
18	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ ra công chúng và phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần	
a	Dưới 50 tỷ đồng	10 triệu đồng/giấy chứng nhận
b	Từ 50 tỷ đến dưới 150 tỷ đồng	20 triệu đồng/giấy chứng nhận

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
c	Từ 150 tỷ đến dưới 250 tỷ đồng	35 triệu đồng/giấy chứng nhận
d	Từ 250 tỷ đồng trở lên	50 triệu đồng/giấy chứng nhận
19	Phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch, phí quản lý thường niên đối với quỹ mở, quỹ ETF	10 triệu đồng/năm/ công ty, quỹ
20	Phí giám sát	
a	Đối với các Sở Giao dịch chứng khoán	+ Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ: 0,009% giá trị giao dịch + Đối với trái phiếu: 0,0035% giá trị giao dịch + Đối với giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ kỳ hạn đến 2 tuần: 0,0004% giá trị giao dịch
b	Đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	10% doanh thu từ hoạt động thu phí lưu ký, chuyển khoản, thực hiện quyền và chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.